

Bản án số: **06/2023/DS-ST**
Ngày 23/6/2023
V/v “Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Châu Văn Khỏe.
2. Ông: Lương Quang Toán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, xét xử công khai vụ án thụ lý số: **03/2023/TLST-DS**, ngày 20 tháng 02 năm 2023, về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **02/2023/QĐXXST-DS**, ngày 22 tháng 5 năm 2023. Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: **426/TB-TA** ngày 07 tháng 6 năm 2023.

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn A, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn K, xã TN, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lý Văn B, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Thôn K, xã TN, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Hoàng Văn A trình bày:

Tôi cho ông B vay tiền làm 02 lần, cụ thể: vào ngày 14/4/2022 tôi cho ông B vay số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn) ông B ghi nội dung vay tiền vào sổ của tôi và tự trả trước số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) là tiền lãi. Vào ngày 17/4/2022 ông B tiếp tục vay tôi số tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng khi ghi thì ông B lại ghi tên vợ là Sầm Thị S vay tiền và ký tên ông B. Tôi khẳng định cả 02 lần vay tiền ông B đều là người hỏi vay của tôi, địa điểm vay tiền tại nhà tôi, mục đích ông B nói vay tiền của tôi để lấy tiền đi tỉnh Lạng Sơn để làm ăn, ông B tự nguyện thỏa thuận trả lãi tháng cho tôi là 100.000đ/tháng/triệu (một trăm nghìn đồng) và hai bên thỏa thuận ngày 17/5/2022 ông B phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi. Đến thời hạn ông B không trả tiền tôi đã đến nhà ông B đòi tiền, nhưng ông B không những không trả tiền mà còn thách đố tôi. Tôi đề nghị buộc ông Lý Văn B phải trả tiền nợ gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/4/2022 đến ngày 16/3/2023 là 12 tháng, tạm tính theo lãi suất của Ngân hàng là 1,2%/tháng/triệu là 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng số tiền ông B phải trả cho tôi là 5.720.000đ (năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), nếu ông B không trả tiền vào ngày 16/3/2023 thì tiếp tục tính lãi 5.720.000đ x 1,2/tháng/triệu đến khi thanh toán xong. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/3/2023 tôi đã rút yêu cầu việc tính lãi 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền lãi tháng 5/2022 của số tiền vay đợt sau là 2000.000đ (hai triệu đồng). Tại phiên tòa tôi yêu cầu ông B phải trả cho tôi số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi từ ngày 17/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất Ngân hàng quy định được trừ đi số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lãi ông Giồng đã trả.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Lý Văn B trình bày:

Ông xác nhận có vay tổng số tiền của anh Hoàng Văn A là 5.000.000đ (năm triệu đồng) vào các ngày 14/4/2022 vay 3.000.000đ (ba triệu đồng), ngày 17/4/2022 vay tiếp số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), khi vay tiền tôi tự tay viết vào cuốn sổ của anh A. Vào hồi 17 giờ 30 phút ngày 17/5/2022 tôi đã trả cho anh số tiền là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) gồm 06 tờ tiền mệnh giá là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Ngày 19/6/2022 tôi trả tiếp cho anh Mới số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) trong đó 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) là tiền lãi và tiền phạt chậm trả bởi đúng hạn tôi phải trả cho anh A vào ngày 17/6/2022. Vì tin tưởng anh A nên tôi không yêu cầu anh A phải gạch sổ vay tiền hoặc yêu cầu anh A phải viết giấy biên nhận đã nhận tiền của tôi.

Tính đến thời điểm hiện nay tôi đã trả xong số tiền vay cho anh A, việc anh A khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền 5.720.000đ (năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) bao gồm nợ gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 16/3/2023 tôi không nhất trí vì thực tế tôi đã trả tiền cho anh A rồi nên tôi không còn nợ nần gì anh A nữa.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, được biết lãi suất cho vay tiêu dùng là 12%/năm : 12 tháng = 01%/tháng.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2023 ông Lý Văn B có đơn trình báo cho rằng việc ông Hoàng Văn A khởi kiện đã làm ảnh hưởng đến danh dự của ông, ông yêu cầu ông A phải bồi thường danh dự cho ông được thỏa đáng.

Tại buổi hòa giải ngày 14/4/2023 ông Lý Văn B lại thay đổi ý kiến yêu cầu ông Hoàng Văn A phải bồi thường số tiền thuê xe, đi thuyền 02 lần xuống Tòa án để làm việc là 730.000đ (bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Tòa án đã tiến hành hòa giải và phân tích quyền, nghĩa vụ của đương sự có mặt tại Tòa án để làm việc, sau khi được phân tích ông Lý Văn B đã rút yêu cầu về việc yêu cầu ông A phải bồi thường tiền tàu, xe đi lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX vào nghị án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự (sau đây viết tắt là BLDS); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tuyên xử: Ông Lý Văn B có nghĩa vụ trả số tiền vay cho ông Hoàng Văn A bao gồm nợ gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra tuyên buộc ông Lý Văn B phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lý Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã TN, huyện Na Hang. Việc Tòa án nhân dân huyện Na Hang, thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Việc ông Hoàng Văn A yêu cầu ông Lý Văn B có nghĩa vụ trả số tiền đã vay theo hợp đồng vay tiền, đây là tranh chấp dân sự, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự thể hiện.

[3.1] Về thời gian vay tiền và số tiền vay: Trong giấy vay tiền thể hiện trong các ngày 14/4/2022 ông B có vay của ông A 3.000.000đ (ba triệu đồng), ngày 17/4/2022 ông B tiếp tục vay của ông A số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng lại ghi tên người vay là Sầm Thị S (là tên vợ của ông B), hai bên thỏa thuận ngày 17/5/2022 ông B sẽ thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ông B thừa nhận có vay số tiền nêu trên của ông Hoàng Văn A, lần thứ hai vay tiền đề ngày 17/4/2022 ông có ghi tên vợ ông là Sầm Thị S nhưng thực chất là ông đứng tên vay, vợ ông không liên quan đến việc vay tiền của ông A. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, từ đó có cơ sở khẳng định việc ông Lý Văn B có vay của ông Hoàng Văn A tổng số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) là đúng.

Việc bị đơn cho rằng đã trả số tiền nợ gốc và lãi suất cho nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông B không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh được việc đã trả tiền. Do đó HĐXX buộc bị đơn trả tiền vay cho nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

[3.2] Việc tính lãi suất: Trong hợp đồng vay tiền các đương sự tự nguyện thỏa thuận ông B sẽ trả cho ông A số tiền lãi 100.000đ/tháng/triệu (một trăm nghìn đồng), đây là việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận, tuy nhiên việc thỏa thuận này vượt quá mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS nên lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông Hoàng Văn A bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Lý Văn B có nghĩa vụ trả lãi số tiền

vay theo mức lãi suất của Ngân hàng cho vay trên địa bàn là 1,2%/tháng/triệu. Tại phiên tòa sau khi được giải thích ông A yêu cầu ông B phải trả lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng là 01%/tháng/triệu.

[3.3] Về thời gian tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi tính từ ngày 17/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/6/2023 là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 06 (sáu) ngày $\times 01\%/tháng/triệu \times 5000.000đ = 710.000đ$ (bảy trăm mười nghìn đồng). HĐXX xét thấy yêu cầu trên là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như việc thỏa thuận trả lãi của các đương sự nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lãi suất của khoản vay 3.000.000đ (ba triệu đồng) ngay sau khi vay tiền. HĐXX xét thấy khoản tiền lãi này vượt quá mức lãi suất giới hạn, nên khấu trừ cho bị đơn vào số tiền lãi theo đề nghị của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.000.000đ (năm triệu đồng) và tiền lãi là $710.000đ - 300.000đ = 410.000đ$ (bốn trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng là 5.410.000đ (năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn A đối với ông Lý Văn B về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Lý Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Văn A số tiền 5.410.000đ (năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng) trong đó 5.000.000đ nợ gốc và

410.000đ (bốn trăm mười nghìn đồng) tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/6/2023), tổng số tiền là 5.410.000đ (năm triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Ông Lý Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Hoàng Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số: AA/2021/0005054, ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/6/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang.
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trường Giang

